

Hòa thượng Thích Hành Trụ (1904 - 1984)

ISSN: 2734-9195 15:40 11/03/2024

Hòa thượng Thích Hành Trụ pháp danh Thị An, pháp tự Hành Trụ, pháp hiệu Phước Bình, thuộc dòng Lâm Tế Chúc Thánh đời thứ 42.

Hòa thượng Thích Hành Trụ (1904 - 1984)

Hòa thượng Thích Hành Trụ pháp danh Thị An, pháp tự Hành Trụ, pháp hiệu Phước Bình, thuộc dòng Lâm Tế Chúc Thánh đời thứ 42. Ngài thế danh là Lê An, sinh năm 1904 trong một gia đình trung nông tại làng Phương Lưu, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên. Thân phụ là cụ Lê Uyển, thân mẫu là bà Nguyễn Thị Sửu. Ông Bà có bốn người con, cả ba người con trai đều xuất gia đầu Phật.

Hòa thượng Thích Hành Trụ (1904 - 1984)

Ngài xuất gia năm 12 tuổi ở chùa làng, đến năm 19 tuổi, được Hòa thượng Giải Tường chùa Phước Sơn thế độ làm đệ tử và tu học tại đây. Năm 22 tuổi Ngài thọ Cụ Túc giới và giữ chức thư ký trong chùa.

Với phong cách đĩnh đạc và say mê học hỏi, Ngài đã trau dồi kinh luật nội điển cùng Quốc văn ở hầu hết các trường hạ, khóa học được tổ chức bấy giờ ở khắp các đạo tràng chùa Thiên Phước - Thủ Đức năm 1934; đạo tràng Tổ đình Bát Nhã - Phú Yên năm 1935...

Gặp lúc phong trào chấn hưng Phật giáo đang phát triển, Ngài vào Nam tham học ở Thích Học Đường Lương Xuyên do các Hòa thượng Khánh Hòa, Khánh Anh, Huệ Quang lãnh đạo.

Năm 1936, Ngài được tiến cử làm Giáo Thọ sau khóa trường Hương do Hội Lương Xuyên Phật Học tổ chức tại chùa Long Phước-Vĩnh Long. Sau đó, Ngài được cử ra Huế học tại Phật học đường chùa Tường Vân, rồi đến chùa Tây Thiên với học Tăng cả ba miền tham dự, do Quốc Sư Phước Huệ làm pháp chủ giảng dạy.

Năm 1940, vì bệnh trầm trọng, Ngài phải trở vào Nam điều trị, và ở lại giảng dạy tại Ni trường chùa Kim Sơn - Phú Nhuận.

Năm 1942, Ngài được Tổ Khánh Hòa bổ về Sóc Trăng làm Giáo Thọ giảng dạy ở chùa Hiệp Châu, chi hội Kế Sách của Hội Lương Xuyên Phật Học và chùa Viên Giác tại Vĩnh Long.

Năm 1945, Ngài được Hòa thượng Vạn An đưa về làm Giáo thọ giảng dạy tại chùa Hội Phước, Nha Môn tỉnh Sa Đéc. Trong thời gian ấy, Ngài làm Đệ nhất Yết ma Đại giới đàn chùa An Phước, Châu Đốc. Sau đó, Ngài về chùa Long An ở Sa Đéc, tại đây đã kết nghĩa pháp đạo huynh đệ cùng ba vị Khánh Phước, Thới An, Thiện Tường, và mở Phật học đường. Chư Tăng khắp lục tỉnh hội tụ về tu học rất đông. Xuất thân từ đây có các Hòa thượng Từ Nhơn, Hòa thượng Huệ Hưng...

Năm 1946, Ngài với ba vị sư đệ kết nghĩa lên Sài Gòn hợp nhau lập chùa Tăng Già, hiện nay là chùa Kim Liên, để tiếp độ chúng Tăng tựu về tu học. Đây là Phật học đường đầu tiên ở đất Sài Gòn trong phong trào chấn hưng Phật giáo, mở đường cho các Phật học viện sau này phát triển.

Năm 1947, Ngài lại cùng ba vị sư đệ dựng nên ngôi già lam thứ hai là chùa Giác Nguyên để chuyển chư Tăng về đây tu học, chùa Tăng Già biến thành trường Phật học dành cho Ni chúng. Hai đạo tràng này ngày thêm vang tiếng và Tăng Ni khắp nơi về học rất đông, góp phần lớn trong công cuộc chấn hưng Phật giáo tại đất Sài Gòn bấy giờ. Ngài đảm nhiệm Giám đốc Phật học đường Giác Nguyên và Hóa chủ Phật học Ni trường Tăng Già.

Năm 1948, Ngài mở Đại giới đàn tại Phật học đường Giác Nguyên để truyền trao giới pháp cho Tăng Ni thọ trì tu học. Sau Ngài được đề cử làm Trưởng ban Nghi Lễ của Giáo Hội Tăng Già Nam Việt vào năm 1951, làm Chứng minh Đạo sư Hội Phật Học Nam Việt tại chùa Xá Lợi Sài Gòn cho đến cuối đời (1956 - 1984), và làm Trưởng đoàn Phật giáo Việt Nam tham dự Hội nghị Phật giáo Thế giới kỳ 4 tại Nam Vang năm 1957.

Năm 1963, Ngài khai mở Phật học đường Chánh Giác tại chùa Chánh Giác-Gia Định do Ngài làm Giám đốc kiêm trụ trì. Sau đó Ngài về trụ trì thêm chùa Đông Hưng ở Thủ Thiêm và chọn nơi này làm chốn tĩnh tu nhập thất vào những mùa An Cư Kiết Hạ.

Năm 1967 - 1969, Ngài làm Giới Sư các Đại giới đàn Hải Đức ở Phật học viện Hải Đức-Nha Trang và Quảng Đức ở Phật học viện Huệ Nghiêm-Sài Gòn.

Năm 1971, Ngài được suy cử làm Phó Chủ Tịch Hội Đồng Giám Luật Viện Tăng Thống Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất.

Năm 1975 - 1977 - 1980, liên tiếp Ngài làm Đàn đầu Hòa thượng các Đại giới đàn tại chùa Ấn Quang do Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất mở ra để truyền trao giới pháp cho giới tử toàn quốc.

Từ năm 1977-1981, Ngài kiêm chức Tổng vụ trưởng Tổng Vụ Tăng Sự của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất.

Năm 1981, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam được thành lập, Ngài được cung thỉnh vào làm thành viên Hội Đồng Chứng Minh Trung Ương.

Nhận thấy thời gian đồng hành với lão bệnh, phát sinh nơi thân tứ đại, từ năm 1976 trở đi, Ngài phát nguyện nhập thất an tịnh cho đến khi về cõi Phật. Vào ngày 29 tháng 10 năm Giáp Tý (1984), huyễn thân Ngài nhẹ nhàng chuyển hóa. Ngài trụ thế 80 năm, được 59 hạ lạc, để lại trong tâm tưởng đàn hậu tấn niềm tri ân vô hạn bởi một sự nghiệp vô cùng.

Ngài có công đức lớn trong nhiệm vụ giáo dục đào tạo nhiều thế hệ Tăng tài, và truyền thừa chính pháp qua việc phiên dịch, ấn hành nhiều kinh luật phổ biến với các tác phẩm để lại:

- Sa Di luật giải.
- Qui Sơn cảnh sách.
- Tứ phần giới bốn Như Thích.
- Phạm Võng Bồ Tát giới.
- Kinh A Di Đà số
- Kinh Vị Tăng Hữu Thuyết Nhân Duyên.
- Kinh Hiền Nhân.
- Kinh trừ khủng tai hoạn.
- Tỳ Kheo giới
- Khuyến phát Bồ Đề tâm văn.
- Long Thơ Tịnh Độ.
- Sơ Đẳng Phật học giáo khoa thư.
- Nghi thức Lễ Sám.
- Kinh Thi Ca La Việt.
- Sự tích Phật giáng thế.

Hòa thượng Thích Hành Trụ là vị Sư Biểu của hàng Cao Tăng đạo cao đức trọng, uy kính trong Tăng Già. Công hạnh của Ngài mãi còn được sự ngưỡng vọng trong lòng Tăng Ni, Phật tử Việt Nam.

Trích: **Tiểu sử Danh tăng Việt Nam thế kỷ XX - Tập 1** (Giai đoạn thống nhất
Phật giáo lần thứ 2)

Chủ biên: **TT.Thích Đồng Bổn**